

Bản án số: 46/2024/DS-PT

Ngày 16-4-2024

“V/v tranh chấp lỗi đi chung”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Hồng Chương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:**  
Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp lỗi đi chung”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nông Văn T; địa chỉ: Thôn 10, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Hà Văn G; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông (theo văn bản ủy quyền ngày 25-10-2023) – Có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Vi Văn M; địa chỉ: Thôn 08, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

**- Người làm chứng:**

- Ông Vi Văn K; địa chỉ: Thôn 01, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.
- Ông Vi Văn N; địa chỉ: Thôn 08, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.
- Ông Đàm Văn H; địa chỉ: Thôn 08, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

4. Ông Vi Văn S; địa chỉ: Thôn 13, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

**- Người kháng cáo:** Bị đơn ông Vi Văn M.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 17-02-2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nông Văn T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Năm 1997, ông cùng ông Vi Văn K và ông Vi Văn N nhận chuyển nhượng của ông Y R lô đất có tổng diện tích 11.000m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn 08, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Các bên lập giấy chuyển nhượng viết tay (có sơ đồ kèm theo) và đã bàn giao đất, cắm mốc ranh giới trên thực địa. Ông sử dụng đất ổn định và thường đi trên lối đi chung rộng khoảng hơn 02m từ đất nhà ông K (nay đã chuyển nhượng cho ông Vi Văn M) đến đất của ông. Cuối năm 1997, Sở địa chính tỉnh Đắk Lắk (cũ) tiến hành đo đạc giải thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho ông, ông N và ông K. Theo GCNQSDĐ thì gia đình ông được cấp diện tích đất 3.260m<sup>2</sup>, trong đó có lối đi rộng khoảng 02m. Quá trình sử dụng đất phát sinh mâu thuẫn và năm 2000, ông N làm vườn rau rào chắn lối đi nên ông phải đi nhờ qua đất nhà ông Vi Văn C. Năm 2019, ông C không tiếp tục cho ông đi nhờ nên ông đã yêu cầu ông N mở lại lối đi nhưng ông N không đồng ý. Đến cuối năm 2019, ông khởi kiện tranh chấp về lối đi chung với ông N, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2021/DSST ngày 15-10-2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đã tuyên buộc ông N phải trả lối đi chung có chiều rộng 2,4m, chiều dài 44m. Bản án không bị kháng cáo, kháng nghị và ông N đã tự nguyện thi hành án.

Tuy nhiên, sau khi ông N tự nguyện thi hành án thì ông M (người nhận chuyển nhượng của ông K) lại vẫn đá rào chắn ½ lối đi chung, gây khó khăn cho việc đi lại. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông M phải trả lại lối đi chung diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 29,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn 08, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông, có tứ cận: Phía Đông rộng 1,73m; phía Tây rộng 1,32m; phía Nam dài 13,71m; phía Bắc dài là 13,63m.

**Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vi Văn M trình bày:**

Năm 2003, ông nhận chuyển nhượng của ông K một thửa đất diện tích khoảng 4.800m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn 08, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Khi nhận chuyển nhượng, trên đất có thể hiện lối mòn đi lại từ đất nhà ông đến đất nhà ông N, ông T. Năm 2004, ông N xin ông mở rộng đường để đi nhờ nên ông đã mở rộng đường cho ông N đi, chiều ngang đường khi mở rộng khoảng 02m, chiều dài đến cổng nhà ông N.

Năm 1998 ông K được cấp GCNQSDĐ, trên sơ đồ giải thửa có thể hiện con đường nhỏ. Năm 2022, sau khi Tòa án giải quyết tranh chấp lối đi giữa ông T với ông N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tiến hành cắm cọc mốc đề thi hành án, ông N đã đến nhà ông xin trả lại hiện trạng con đường như cũ (hiện trạng trước thời điểm mở đường năm 2004). Sau đó ông tiến hành vắn đá để chặn phần diện tích đường đã mở trước đó, chỉ chừa một lối đi nhỏ cho người qua lại, việc chặn đường là do ông tự thực hiện, không liên quan đến các thành viên trong gia đình ông.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị ông phải trả lối đi chung theo hiện trạng ban đầu có chiều rộng 2,4m thì ông không đồng ý.

*Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 12-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a, c khoản 1 Điều 39, các Điều 157, 164, 235,*

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 166, 170 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 248, 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông M trả lại diện tích đất lấn chiếm lối đi chung theo kết quả đo đạc là 29,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn 08, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông: Cạnh Đông giáp đất ông M rộng 1,73m; cạnh Tây giáp đất ông N rộng 1,32m; cạnh Nam giáp phần còn lại của đường đi dài 13,71m; cạnh Bắc giáp đất ông M dài 13,63m.

Buộc ông M phải khôi phục lại hiện trạng lối đi chung có chiều rộng 2,4m, chiều dài từ đất nhà ông M đến đất nhà ông N (có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19-01-2024, bị đơn ông Vi Văn M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vi Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Đơn kháng cáo của ông Vi Văn M nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của ông Vi Văn M, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Ông T trình bày sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Y R vào tháng 01-1997 thì ông T, ông N và ông K đã chừa lại lối đi chung rộng khoảng hơn 02m từ đất nhà ông K (nay đã chuyển nhượng cho ông M) đến đất nhà ông T.

Ông M thừa nhận năm 2003 khi ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông K thì thửa đất có lối mòn đi ra phía sau đất nhà ông N. Năm 2004, ông N xin ông M mở rộng đường để đi nhờ và ông M đồng ý mở rộng đường chiều ngang khoảng 02m, chiều dài từ cổng nhà ông N đến hết đất của ông M.

[2.2]. Năm 1997, Sở Địa chính tỉnh Đắk Lắk (cũ) tiến hành đo đạc giải thửa và cấp GCNQSDĐ cho ông T, ông N và ông K, trong các GCNQSDĐ đều thể hiện có con đường đi.

Kết quả xác minh ngày 09-5-2023 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông thể hiện: Căn cứ bản đồ địa chính thì các thửa đất số 159, 160, 166,

213, tờ bản đồ số 16 của ông T, ông N, ông M và ông Đàm Văn H có con đường dân sinh rộng khoảng 2,4m. Con đường này do các hộ dân đi lại tạo thành lối mòn, hiện trạng đường đi đã được thể hiện trên sơ đồ giải thửa của tờ bản đồ số 16; khi cấp GCNQSDĐ cho các thửa đất số 159, 160, 166, 213, tờ bản đồ số 16 cũng thể hiện đường đi qua các thửa đất này.

Tại Công văn số: 65/TNMT-TH ngày 06-7-2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C cung cấp thông tin: Trên GCNQSDĐ số X của hộ ông N và GCNQSDĐ số Y của hộ ông T do Ủy ban nhân dân huyện C cấp có thể hiện đường giao thông (*lối đi*).

Sau khi được cấp GCNQSDĐ, ông T, ông N, ông K đều không có ý kiến gì. Sau khi ông M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông K thì ông M cũng không có ý kiến gì về việc trên GCNQSDĐ có thể hiện con đường. Mặt khác, diện tích đất ông M được cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16 là 4.510m<sup>2</sup>, trong khi diện tích thực tế ông M đang quản lý, sử dụng theo kết quả đo đạc là 4.948m<sup>2</sup> (*nhều hơn diện tích được cấp GCNQSDĐ 438m<sup>2</sup>*).

[2.3]. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và xác minh thể hiện có lối đi chung chiều dài xuyên suốt từ đường chính đến đất nhà ông T.

Năm 2000 ông N làm vườn rau chắn lối đi và đã mở lối đi rộng khoảng 60 phân ở giữa rẫy của ông N (*tiếp giáp, liền kề với phần bị chắn*) đi vòng phía sau rẫy nhà ông N đến rẫy nhà ông T. Đến năm 2017 ông T không đi trên lối này mà đi nhờ đất nhà ông C đến rẫy nhà ông T. Năm 2019 ông C không cho ông T đi nhờ nên ông T khởi kiện ông N về tranh chấp lối đi chung. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2021/DSST ngày 15-10-2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đã tuyên buộc ông N phải trả lối đi chung có chiều rộng 2,4m, chiều dài 44m; ông N đã tự nguyện thi hành án.

Tuy nhiên, sau khi ông N tự nguyện thi hành án thì ông M lại vắn đá rào chắn một phần lối đi tại đoạn qua đất nhà ông M, chỉ chừa lại một lối đi nhỏ; phần đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 29,2m<sup>2</sup>, tứ cận: Phía Đông giáp đất ông M rộng 1,73m, phía Tây giáp đất ông N rộng 1,32m, phía Nam giáp phần còn lại của đường đi dài 13,71m, phía Bắc giáp đất ông M dài 13,63m. Như vậy, việc ông M vắn đá rào chắn một phần lối đi là xâm phạm đến quyền sử dụng lối đi chung của ông T.

[2.4]. Từ những vấn đề phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ khẳng định từ rẫy nhà ông M đến rẫy nhà ông T có con đường đi qua như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông M phải trả lại diện tích lấn chiếm lối đi chung là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông M phải khôi phục lại hiện trạng lối đi chung có chiều rộng 2,4m, chiều dài từ đất nhà ông M đến đất nhà ông N là không phù hợp, bởi lẽ, ông M vắn đá rào chắn lối đi chung diện tích 29,2m<sup>2</sup> thì chỉ có trách nhiệm di chuyển toàn bộ các hòn đá đã rào chắn để trả lại diện tích đã lấn chiếm, không có trách nhiệm khôi phục toàn bộ chiều dài, chiều rộng của con đường. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không tuyên buộc ông M phải khôi phục lại hiện trạng lối đi chung có chiều rộng 2,4m, chiều dài từ đất nhà ông M đến đất nhà ông N.

[2.5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc buộc ông M phải trả lại diện tích đất lấn chiếm lối đi chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng không tuyên buộc ông M phải khôi phục hiện trạng lối đi chung như đã nhận định ở trên.

[3]. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.719.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận và ông T đã nộp tạm ứng nên cần buộc ông M phải hoàn trả cho ông T số tiền này.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4.2]. Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên ông M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho ông M số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Vi Văn M, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 12-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ các Điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 166, 170 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn T:** Buộc ông Vi Văn M phải di chuyển toàn bộ các hòn đá đã rào chắn để trả lại diện tích đất lấn chiếm lối đi chung theo kết quả đo đạc thực tế là 29,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn 08, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông, có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Vi Văn M rộng 1,73m; phía Tây giáp đất ông Vi Văn N rộng 1,32m; phía Nam giáp phần còn lại của đường đi dài 13,71m; phía Bắc giáp đất ông Vi Văn M dài 13,63m (*có Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất kèm theo*).

**2. Về chi phí tố tụng:** Buộc ông Vi Văn M phải chịu 4.719.000 đồng (*bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do ông Nông Văn T đã nộp tạm ứng số tiền này nên buộc ông Vi Văn M phải hoàn trả cho ông Nông Văn T số tiền 4.719.000 đồng (*bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng*).

**3. Về án phí:**

**3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:**

3.1.1. Buộc ông Vi Văn M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.1.2. Trả lại cho ông Nông Văn T số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số Z ngày 27-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

**3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Vi Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho ông Vi Văn M số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số W ngày 01-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên, đóng dấu)*

**Lê Văn Hữu**